

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST

Ngày 15/5/2018

“V/v Ly hôn giữa ông H và bà Đ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Lê Thị Tranh.

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hoàn

2. Ông Trần Trọng Khuyến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 164/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐST-HN, ngày 02 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ Phát H, sinh năm 1957. Có mặt
Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957. Vắng mặt có lý do.
Địa chỉ: Ấp N, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Võ Phát H trình bày:

- Về hôn nhân: Ông và bà Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 1984 không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn về cách ứng xử, giao tiếp, cách sống thường xuyên cãi nhau do sống nhờ bên vợ dẫn đến hạnh phúc vợ chồng không còn, nên đã ly thân từ cuối năm 2008 đến nay. Nay ông Võ Phát H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ.

- Về con chung: Ông Võ Phát H và bà Nguyễn Thị Đ có 04 con chung tên Võ Hữu T, sinh năm 1984, Võ Thị Huyền N, sinh năm 1987, Võ Long Đ, sinh năm 1990 và Võ Thị Kiều O, sinh năm 1992 các con đã thành niên, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Võ Phát H không tranh chấp, không khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt lần thứ nhất có đơn xin xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày. (Theo biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2018 bà Nguyễn Thị Đ).

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử Tòa án đều tổng đạt đầy đủ cho đương sự nhận theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông H, xử cho ông Võ Phát H được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ về con chung các con của ông H và bà Đ đã thành niên ông H không yêu cầu nên không xem xét, về tài sản chung, do ông H không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét giải quyết, về số nợ phải thu, phải trả không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, ông H được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa hôm nay bà Đ vắng mặt lần thứ nhất, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và khoản 01 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ theo luật định.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét đơn của ông Võ Phát H khởi kiện xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ. Căn cứ khoản 01 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “Ly hôn” là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] Về hôn nhân: Xét thấy hôn nhân của ông Võ Phát H và bà Nguyễn Thị Đ chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1984 không có đăng ký kết hôn trước khi luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra cuối năm 2008 kéo dài đến nay, ông H cho rằng nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong đời sống vợ chồng dẫn đến cãi vã thường xuyên vì chuyện ở nhờ bên vợ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2018 bà Nguyễn Thị Đ khai nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H có người phụ nữ khác bên ngoài nên vợ chồng cãi vã nhau thường xuyên và ông H bỏ nhà đi từ năm 2009 cho đến nay. Nay ông Võ Phát H yêu cầu ly hôn bà cũng đồng ý ly hôn.

Tuy nhiên ông H và bà Đ xác lập quan hệ hôn nhân năm 1984 không có đăng ký kết hôn trước khi Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực và căn cứ vào điểm a khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khóa X kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 09/6/2000 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa hôm nay ông Võ Phát H xác định tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được ông Võ Phát H yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đ là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Phát H xử cho ông H và bà Đ được ly hôn với nhau.

Về nuôi con: Ông Võ Phát H và bà Nguyễn Thị Đ có 04 con chung tên Võ Hữu T, sinh năm 1984, Võ Thị Huyền N, sinh năm 1987, Võ Long Đ, sinh năm 1990 và Võ Thị Kiều O, sinh năm 1992 các con đã thành niên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông H không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí sơ thẩm: Ông Võ Phát H thuộc diện người cao tuổi được quy định tại Điều 02 Luật người cao tuổi của Quốc Hội khóa XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 23/11/2009 nên ông Võ Phát H được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 01 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm b khoản 03 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 của Quốc hội khóa X. Kỳ họp thứ 7, thông qua ngày 09/6/2000.

Căn cứ Điều 02 Luật người cao tuổi của Quốc Hội khóa XII, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 23/11/2009.

Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Võ Phát H.

2. Về hôn nhân: Xử cho ông Võ Phát H và bà Nguyễn Thị Đ được ly hôn với nhau.

3. Về nuôi con: Tên Võ Hữu T, sinh năm 1984, Võ Thị Huyền N, sinh năm 1987, Võ Long Đ, sinh năm 1990 và Võ Thị Kiều O, sinh năm 1992 các con đã thành niên, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay ông Võ Phát H không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Võ Phát H thuộc diện người diện người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ vào điểm đ khoản 01 Điều 12, Điều 14, 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Võ Phát H được miễn nộp án phí.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tranh

